
THÔNG TIN-BÌNH LUẬN

Khai thác đa chiều bài giảng Hán ngữ cổ đại theo hướng Trung Quốc học (trên dữ liệu “Quả nhân chi ư quốc dã” của Mạnh Tử)

Phạm Ngọc Hàm*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 14 tháng 1 năm 2014

Chỉnh sửa ngày 15 tháng 3 năm 2014; Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 3 năm 2014

Tóm tắt: Trong bối cảnh trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội đang tích cực chuẩn bị cho việc phát triển ngành học mới - Trung Quốc học và xây dựng chương trình nghiên cứu về Trung Quốc, việc khai thác bài khóa môn Hán ngữ cổ đại theo hướng đa chiều, kết hợp ngôn ngữ với nội hàm văn hóa là rất cần thiết, nhằm nâng cao tri thức đất nước học thông qua phân tích ngôn bản cho sinh viên.

Bài viết trên dữ liệu bài học “Quả nhân chi ư quốc dã” (Tâm lòng của ta với nước) của Mạnh Tử, bàn về tầm quan trọng và phương pháp khai thác đa chiều đối với ngôn bản, đáp ứng yêu cầu mới của ngành Trung Quốc học.

Từ khóa: Quả nhân chi ư quốc dã, Hán ngữ cổ đại, Trung Quốc học.

1. Đặt vấn đề

Chương trình Cổ đại Hán ngữ trong hầu hết các giáo trình hiện hành đều trích các tác phẩm kinh điển làm bài khóa. Hàm lượng tri thức của các bài khóa này rất đậm, bao gồm các tri thức ngôn ngữ, kinh tế, văn hóa xã hội, tư tưởng truyền thống... Trong bối cảnh trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội đang tích cực chuẩn bị cho việc phát triển ngành học mới - Trung Quốc học và xây dựng chương trình

nghiên cứu về Trung Quốc, việc tận dụng nội dung bài giảng, khai thác theo hướng đa chiều, kết hợp ngôn ngữ với nội hàm văn hóa trong từng tác phẩm ngôn từ là rất cần thiết.

Trung Quốc học là ngành khoa học nghiên cứu về Trung Quốc. Ngành khoa học này gồm rất nhiều lĩnh vực như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, lịch sử, địa lý, môi trường... thuộc Trung Quốc xưa và nay. Vì vậy, với đường hướng Trung Quốc học, bài giảng cần chú trọng khâu thông qua ngôn ngữ để khai thác các tri thức liên quan đến Trung Quốc được chuyển tải trong từng bài học cụ thể. Những đoạn trích

* ĐT.: +84-904123803

Email: phamngochamnnvhtq@gmail.com

được tuyển chọn làm bài khóa không chỉ chuẩn mực về mặt ngôn từ mà còn ẩn chứa trong đó tri thức văn hóa xã hội mà con người đúc kết trên nhiều lĩnh vực và đến nay, rất nhiều điều vẫn là chân lí, có giá trị giáo dục đạo đức truyền thống cho thế hệ trẻ. Trương Bằng Bằng trong cuốn “Văn tự luận” của mình đã khẳng định: “Theo đà sa sút về năng lực đọc, viết văn ngôn, tố chất văn hóa và tu dưỡng đạo đức của người Trung Quốc cũng trượt dốc một cách rõ rệt.” [1]. Vì vậy, việc khai thác đa chiều bài khóa càng có ý nghĩa lớn lao. Với tinh thần tiếp thu có phê phán các tri thức văn hóa cổ, giờ học sẽ trở nên hấp dẫn hơn, thu hoạch qua mỗi bài sẽ đa dạng và có chiều sâu hơn. Đồng thời, trong vai trò là người hướng đạo, người thầy sẽ giúp sinh viên rèn luyện kĩ năng tư duy phê phán, phân tích, phát hiện và đánh giá vấn đề một cách hiệu quả nhất.

Bài viết trên dữ liệu bài học “Quả nhân chi ư quốc dã” (Tấm lòng của ta với nước) của Mạnh Tử, bàn về tầm quan trọng và phương pháp khai thác các tri thức văn hóa hàm chứa trong ngôn bản cho đối tượng là sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ - văn hóa Trung Quốc hiện nay và chuyên ngành Trung Quốc học trong tương lai, góp phần nâng cao tri thức ngôn ngữ đi đôi với đất nước học cho sinh viên.

2. Vai trò của các bài khóa trong chương trình Hán ngữ cổ đại

2.1. Đặc điểm các bài khóa

Giáo trình Hán ngữ cổ đại do các học giả Trung Quốc biên soạn, tiêu biểu nhất là giáo trình của Vương Lực, cấu trúc mỗi bài thường là *văn tuyển* (bài khóa) + chú giải từ ngữ, điển cố, văn hóa + ngữ pháp + bài tập. Cũng có giáo trình đưa trọng điểm ngôn ngữ lên trước và sau

đó là bài khóa, sau mỗi bài khóa là chú giải về tri thức ngôn ngữ, văn hóa trọng điểm và cuối cùng là bài tập, như *Giáo trình cổ đại Hán ngữ* của Giải Huệ Toàn chủ biên, Nhà xuất bản Đại học Nam Khai, 1990. Nhìn ra thế giới, giáo trình Hán ngữ cổ đại của nhiều nước cũng chưa chú trọng khai thác các nội dung văn hóa. “Giáo trình đọc hiểu cổ Hán ngữ của Mỹ, Nhật, Ý cũng đều là những cuốn văn tuyển cổ đại, ngoài tìm hiểu từ ngữ ra, không có những nội dung khác.” [2] *Giáo trình cổ Hán ngữ* dành cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc ở Việt Nam, căn cứ vào tính chất đặc thù của người Việt Nam học tiếng Hán và mối liên hệ giữa tiếng Hán với tiếng Việt, thường có thêm mục *từ mới*, *phiên âm Hán Việt* và *đối chiếu Hán – Việt*, *đối chiếu văn ngôn – bạch thoại*. Tuy nhiên, dù giáo trình nào thì bài khóa vẫn là bộ phận hợp thành quan trọng.

Bài khóa là sự thể hiện sinh động nhất ý nghĩa, cách dùng của từ ngữ, trọng điểm ngữ pháp, văn hóa giao tiếp và nhất là nội dung tư tưởng, văn hóa. Các ví dụ cụ thể xuất hiện trong bài khóa có thể minh họa cho mỗi trọng điểm lí thuyết ngôn ngữ của mỗi bài. Bài khóa đã cung cấp ngữ cảnh cụ thể cho việc lí giải các hiện tượng ngôn ngữ ấy trong quá trình sử dụng.

Bài khóa thường được chọn lọc từ các câu chuyện thành ngữ, tục ngữ, các đoạn trích tác phẩm kinh điển của Trung Quốc như Kinh thi, Tả truyện, Luận ngữ, Lễ ký, Quốc ngữ, Chiến quốc sách, Thơ Đường, Sử ký Tư Mã Thiên... Các bài được tuyển chọn đều phải chuẩn mực về ngôn ngữ, có trọng điểm ngôn ngữ, văn hóa khác nhau, ý nghĩa giáo dục và nội dung tư tưởng sâu sắc. Với những bài khóa ấy, người học có cơ hội tìm hiểu không chỉ là kiến thức ngôn ngữ mà còn là các nội dung văn hóa, tư tưởng, đất nước con người ở mỗi thời điểm lịch sử cụ thể. Do đó, việc khai thác triệt để, đa chiều cả về ngôn ngữ và nội hàm văn hóa trong

mỗi bài khóa là hết sức cần thiết và có ý nghĩa sâu sắc đối với hiệu quả đào tạo.

2.2. Ý nghĩa của việc khai thác các yếu tố ngôn ngữ và văn hóa trong bài khóa

Về mặt ngôn ngữ, quá trình tiếp xúc Hán Việt đã khiến cho hệ thống từ vựng tiếng Việt có tới hơn 70% là từ gốc Hán. Trong đó, có những từ vẫn giữ được đặc điểm ngữ âm thượng cổ như “xe” tồn tại song song với “xa”, “muôn” tồn tại song song với “vạn”, “buồng” với “phòng”... Có những từ ngữ mượn và giữ nguyên dạng âm và nghĩa, có những từ có sự thay đổi về nghĩa và từ loại. Đặc biệt là về mặt ngữ pháp, có những cấu trúc trong văn ngôn (tiếng Hán cổ) rất gần với tiếng Việt nhưng lại khác biệt với bạch thoại (tiếng Hán hiện đại). Người Việt Nam rất quen thuộc với những câu cách ngôn có nguồn gốc từ các tác phẩm kinh điển của Trung Quốc như *Ôn cổ tri tân* (ôn cũ biết mới); *Học nhi thời tập chi* (học tập phải thường xuyên ôn luyện); *Giáo học tương trường* (dạy và học thúc đẩy nhau cùng phát triển)... Do đó, học bài khóa, về mặt ngôn ngữ, giúp người Việt Nam có thể hiểu sâu sắc hơn tiếng Việt và đặc biệt là mối liên hệ giữa tiếng Hán và tiếng Việt.

Bài khóa được chọn lọc là những “hóa thạch” bằng ngôn từ trong lịch sử văn hóa Trung Quốc và đặc biệt là những bài được lựa chọn từ các tác phẩm kinh điển đã đạt được đỉnh cao của nghệ thuật sáng tác văn học, những nhân vật điển hình xuất hiện trong hoàn cảnh điển hình được xây dựng một cách tinh tế. Nghệ thuật đối đáp sắc sảo, tính chất hùng biện cao, ngôn ngữ điêu luyện, súc tích cũng là những đặc điểm nổi bật cần được khai thác [3]. Vì vậy, ngoài việc tìm hiểu về đất nước con người, lịch sử tư tưởng Trung Quốc, học bài khóa còn giúp người học nâng cao khả năng tư

duy logic, lập luận và tiến tới nâng cao năng lực tổng thể trong biểu đạt ngôn ngữ.

Ở Việt Nam, chữ Hán đã trở thành văn tự chính thống được sử dụng trong suốt thời kỳ chế độ khoa cử phong kiến thịnh hành ở Việt Nam. Cho đến nay, trong nhiều gia đình Việt Nam cũng như các di tích lịch sử vẫn còn rất nhiều câu đối, hoành phi được ghi chép bằng chữ Hán. Đến với Văn Miếu, người ta không thể không quan tâm đến bốn chữ *Thệ giả như tư* (những cái trôi đi cứ như thế này đây) trên câu đối lớn ngoài cổng. Đó là dấu ấn tư tưởng Khổng Tử và Nho học đã ảnh hưởng sâu sắc đến Việt Nam. *Thệ giả như tư* vốn trích từ Luận Ngữ, là ví dụ sinh động cho tư tưởng triết học “vạn vật luôn luôn vận động” và quan điểm giáo dục của Khổng Tử. Vì vậy, việc giảng dạy bài khóa càng có ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

Trong quá trình văn ngôn chuyển hóa thành bạch thoại, một số yếu tố từ vựng, hư từ, cấu trúc ngữ pháp vẫn được lưu lại trong bạch thoại, nhờ các yếu tố ngôn ngữ này mà cách diễn đạt trong văn ngôn trở nên ngắn gọn, súc tích, trang nhã hơn. “Một số văn sỹ hiện đại tôn sùng văn ngôn cho rằng, chức năng tuyên truyền và biểu đạt của văn ngôn đều không thua kém văn bạch thoại” [4]. Đặc biệt là trong xu thế sinh văn hóa phương Tây, coi nhẹ văn hóa truyền thống như hiện nay của lớp trẻ Trung Quốc cũng như Việt Nam, việc dạy học các tác phẩm kinh điển được trích dẫn làm bài khóa là cơ hội tốt để tiếp xúc với văn hóa truyền thống, góp phần tích cực vào việc giáo dục nhân cách cho học sinh.

3. Đôi nét về Mạnh Tử và đoạn trích “Quả nhân chi ư quốc dã”

Mạnh Tử sinh năm 372, mất năm 289 trước công nguyên, tên Kha, tự Tử Dư, là nhà tư tưởng lớn thời Chiến quốc, ông đã kế thừa và

phát triển tư tưởng *nhân* của Khổng tử, chủ trương thi hành *nhân chính* (chính sách nhân nghĩa) và đưa ra quan điểm *dân vi quý, quân vi khinh* (đề cao dân và hạ thấp vua), hình thành nên tư tưởng Nho học truyền thống Khổng Mạnh mà hạt nhân của nó là tư tưởng *nhân nghĩa*. Mạnh Tử để lại cho đời sau tác phẩm “Mạnh Tử”, là tài liệu quý để nghiên cứu về tư tưởng Nho gia sau Khổng Tử. Trong tác phẩm, những chủ trương trị nước, xây dựng xã hội lí tưởng vừa chú trọng phát triển kinh tế, vừa quan tâm đến giáo dục, được thể hiện rõ nét bằng lập luận sắc bén. Chính vì vậy, giá trị của cuốn Mạnh Tử không chỉ ở góc độ ngôn ngữ, văn học mà còn có giá trị tư tưởng sâu sắc, không ít quan điểm, chủ trương đến nay vẫn còn nguyên giá trị, đáng được các chuyên gia kinh tế, văn hóa, giáo dục vận dụng.

“Quả nhân chi ư quốc dã” trích từ “Mạnh Tử”, ghi lại một cách sinh động cuộc đối thoại giữa Mạnh Tử và Lương Huệ Vương về đạo trị nước. Bài văn cấu trúc chặt chẽ, lập luận sắc bén, dẫn chứng sinh động, đề cập một cách khá toàn diện đến các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa giáo dục, đặc biệt là chủ trương ưu tiên sản xuất đi đôi với khai thác hợp lí, có kế hoạch và thực hành tiết kiệm, tạo phúc lợi xã hội, nhằm xây dựng một xã hội vững mạnh, công bằng, bác ái.

4. Phương pháp triển khai bài giảng theo đường hướng Trung Quốc học

4.1. Nội dung triển khai

4.1.1. Các nhân tố ngôn ngữ

Theo thống kê của chúng tôi, trong toàn văn bài học “Quả nhân chi ư quốc dã” với dung lượng 358 chữ Hán, có tới 17 từ tổ bốn âm tiết bao gồm cả cố định và không cố định, trong đó có ba trường hợp 2 đến 3 từ tổ dùng liền. Từ

song âm tiết là 25, còn lại là từ đơn âm tiết và một trường hợp ngữ khí từ phức hợp ba âm tiết *yên nhĩ hĩ*. Từ được du nhập vào tiếng Việt và trở thành từ Việt gốc Hán chiếm trên 70%. Trong đó, một số hư từ như *chi, giả, diệc, vu* và cấu trúc ngữ pháp như *đã ư lân quốc* tới nay vẫn sử dụng trong bút ngữ. Từ tổ bốn chữ sử dụng riêng rẽ hoặc dùng liền hai, ba, thậm chí là bốn cụm vốn là đặc trưng biểu đạt của văn ngôn, nhưng vẫn được tiếp nhận vào văn bạch thoại, giúp cho việc biểu đạt của bạch thoại ngắn gọn, súc tích, có nhịp điệu, tiết tấu. Chính vì vậy, “Các tác phẩm văn ngôn không chỉ là báu vật mà các văn nhân truyền thống không chịu trút bỏ, dù chỉ giây lát, nó còn là thể tài mà các văn nhân hiện đại cũng rất quen thuộc.” [5] Đặc biệt là những cấu trúc *di kỳ dân vu Hà đông, di kỳ túc vu Hà nội, hà dị ư, bất phụ đối ư đạo lộ ...*, trật tự từ rất giống tiếng Việt nhưng lại khác biệt hẳn so với bạch thoại. Trong bài văn còn xuất hiện câu *ngữ thập bộ tiểu bách bộ*, đã trở thành thành ngữ thường dùng trong tiếng Hán hiện đại, tương đương với *chó chê mèo dài đuôi* của tiếng Việt. Đó là những lý do mà trong quá trình giảng dạy tiếng Hán cổ đại cho người Việt Nam cần phải so sánh ngôn ngữ trên ba phương diện: văn ngôn – bạch thoại và tiếng Việt. Kết quả của quá trình so sánh giúp người học có thể phân biệt được điểm giống và khác nhau cũng như mối liên hệ giữa chúng. Trên cơ sở đó có thể tận dụng sự chuyển di tích cực của tiếng mẹ đẻ và văn ngôn sang ngôn ngữ đích – tiếng Trung Quốc. Cũng nhờ đó mà phân biệt được phong cách bút ngữ và khẩu ngữ, tiến tới diễn đạt nói và viết theo đúng văn phong của người bản ngữ.

4.1.2. Phương pháp lập luận

Văn Mạnh Tử, tiêu biểu là bài “Quả nhân chi ư quốc dã” lập luận chặt chẽ, cách nêu vấn đề tự nhiên và giải quyết vấn đề nhằm đúng vào “vùng hiểu biết” của đối tượng, giúp cho người nghe dễ dàng liên tưởng và lĩnh hội. Lương Huệ

Vương tự cảm thấy bản thân đã hết lòng giải quyết một cách hợp lý đại sự quốc gia. Ví dụ cụ thể về cách giải quyết mâu thuẫn cung và cầu giữa vùng bị thiên tai với vùng không bị thiên tai, nhằm giải quyết vấn đề lương thực cho dân là minh chứng cho chính sách an dân đúng đắn. Vậy mà tỷ lệ tăng trưởng dân số vẫn không theo kịp các nước láng giềng. Lương Huệ Vương đem thắc mắc của mình ra trưng cầu ý kiến Mạnh Tử. Mạnh Tử bắt đầu bằng việc lấy ví dụ cụ thể về chiến tranh (điều mà Lương Huệ Vương am hiểu) để dẫn dắt vào vấn đề trị quốc (vấn đề trừu tượng mà Lương Huệ Vương chưa lý giải được), nhằm làm sáng tỏ chủ trương trị nước cần phải bắt đầu từ gốc, nghĩa là phải chăm lo phát triển sản xuất đi đôi với khai thác hợp lý, thực hành tiết kiệm, đảm bảo vấn đề cơm no áo ấm cho muôn dân. Trên cơ sở đó quan tâm phát triển giáo dục, và đặc biệt là đáng minh quân phải biết tự lãnh trách nhiệm về mình, không “đổ lỗi” cho khách quan. Tất cả những nhân tố đó sẽ thu phục lòng dân, muôn dân trăm họ sẽ nô nức kéo về, làm cho nước giàu, dân mạnh. Phương pháp luận luận chặt chẽ, logic, đầy sức thuyết phục đó đã gợi mở cho người làm công tác dạy học trên ba phương diện: (1) phương pháp nêu vấn đề; (2) phương pháp giải quyết vấn đề; (3) phương pháp sắp xếp dàn ý. Trong đó, nêu vấn đề cần có sức cuốn hút người nghe và khiến người nghe thực sự cảm thấy có vấn đề cần giải quyết. Giải quyết vấn đề, nhất là những vấn đề trừu tượng cần thông qua những ví dụ cụ thể, thông thường, thuộc vùng am hiểu của người nghe để hướng đạo người nghe lĩnh hội. Sắp xếp dàn ý cần theo trình tự hợp lý, có tính tăng bậc. Như vậy, hiệu quả giờ học sẽ được nâng cao.

4.1.3 Các nhân tố văn hóa

“Quả nhân chi ư quốc dã” đã thể hiện khá đầy đủ tinh thần *dân vi quý, quân vi khinh* của Mạnh Tử. Tinh thần ấy thể hiện cụ thể ở quan điểm “dân là gốc”, thi hành nhân chính, các bậc

quân vương cần phải lãnh trách nhiệm với dân, với nước, không thoái thác, trốn tránh. Đối với việc thi hành nhân chính, Mạnh Tử đã cụ thể hóa trên 3 phương diện (1) Chính sách phát triển kinh tế; (2) Phúc lợi xã hội; (3) Chính sách giáo dục.

Chính sách phát triển kinh tế của Trung Quốc cổ đại được chú trọng toàn diện về nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Nông nghiệp phải được tiến hành song song giữa trồng trọt và chăn nuôi. Riêng về trồng trọt, trên cơ sở xúc tiến sản xuất lương thực, giải quyết vấn đề ăn, phải đẩy mạnh trồng dâu để giải quyết vấn đề mặc. Nhân tố *thiên thời* được Mạnh Tử nhấn mạnh trong việc ưu tiên cho sản xuất kịp thời vụ 不违农时 *bất vi nông thời* (không làm lỡ mùa vụ cây trồng) để tạo năng suất cao đi đôi với mở mang canh tác trên diện rộng 五亩之宅, 树之以桑 *ngũ mẫu chi trạch, thụ chi dĩ tang* (trồng dâu trên vườn năm mẫu), 百亩之田, 勿夺其时 *bách mẫu chi điền, vật đoạt kỳ thời* (không làm lỡ mùa vụ cây trồng trên trăm mẫu ruộng). Kết quả là cung sẽ vượt cầu 谷不可胜食 *cốc bất khả thắng thực* (lúa gạo ăn không hết). Mặc khác, phát triển kinh tế phải chú trọng khai thác có kế hoạch, hợp mùa vụ, tạo điều kiện cho vạn vật sinh sôi 数罟不入污池 *số cố bất nhập ô trì* (không đánh bắt cá bằng lưới dày); 斧斤以时入山林 *phủ cân dĩ thời nhập sơn lâm* (khai thác lâm sản đúng mùa vụ), như vậy mới có thể tạo ra của cải vật chất dồi dào 鱼鳖不可胜食, 材木不可胜用 *ngư miết bất khả thắng thực, tài mộc bất khả thắng dụng* (cá tôm ăn không hết, gỗ lạt không dùng hết) và tăng cường phúc lợi xã hội, đời sống của người già được đảm bảo. Sản xuất phải đi đôi với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, dành một phần của cải vật chất cứu trợ người nghèo đói.

Trên cơ sở kinh tế đã đạt được trình độ nhất định, nhu cầu cơm no áo ấm đã được thỏa mãn, giáo dục được đẩy mạnh, trong đó có giáo dục

đạo đức 謹庠序之教，申之以孝悌之义 *cần trường tự chi giáo, thân chi dĩ hiếu đễ chi nghĩa* (làm tốt việc giáo dục trong nhà trường, dạy cho trẻ biết hiếu đễ), khi kinh tế, văn hóa giáo dục đều phát triển theo đúng đường hướng, một xã hội lý tưởng sẽ được hình thành 養生喪死无憾，斑白者不负戴於道路，七十者衣帛食肉，黎民不饥不寒 *dưỡng sinh, táng tử vô hám, ban bạch giả bất phụ đới ư đạo lộ, thất thập giả ý bạch, thực nhục, lê dân bất cơ bất hàn* (nuôi dưỡng người sống, ma chay cho người chết đều chu đáo, người cao tuổi không phải mang vác trên đường, lại được mặc áo lụa, ăn thịt, dân đen được no ấm.)

Những chủ trương chính sách đúng đắn, được trình bày theo một trình tự hợp lý với đường hướng *kiến trúc thượng tầng được xây dựng trên cơ sở hạ tầng* đã có sức thuyết phục cao độ, giúp cho Lương Huệ Vương giải quyết được thắc mắc, từ đó mà lĩnh hội được đường hướng phát triển kinh tế, xã hội, đồng thời biết lãnh trách nhiệm của mình trước muôn dân. Ý nghĩa sâu sắc của ngôn bản đã chứng tỏ tư tưởng Nho gia sau Khổng Tử của Mạnh Tử không những phù hợp với thời đại đó, mà còn có ý nghĩa với hiện tại và tương lai. Khai thác một cách triệt để nội dung tư tưởng của tác phẩm, có giá trị nâng cao tri thức xã hội, đồng thời hiểu sâu hơn về đất nước con người Trung Hoa. Có thể khẳng định rằng, hàm lượng Trung Quốc học trong “Quả nhân chi ư quốc dã” thật đậm đặc, cần được khai thác.

4.2. Phương pháp triển khai

Trên tinh thần quán triệt phương châm lấy người học làm trung tâm, giúp người học biến quá trình đào tạo của Nhà trường thành quá trình tự đào tạo, phương pháp triển khai nội dung bài giảng của bộ môn Cổ Hán ngữ cũng cần phải tạo điều kiện cho học sinh phát huy

tính chủ động, sáng tạo trong học tập, nâng cao và hoàn thiện năng lực tư duy, phát hiện, phân tích, đánh giá vấn đề. Dạy học giao nhiệm vụ là một phương pháp hữu hiệu giúp học sinh tận dụng cao độ thời gian tự học vào việc ôn tập bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng tự nghiên cứu dưới sự hướng đạo của giáo viên. Nội dung công việc của học sinh trước giờ lên lớp là tra cứu, cố gắng đến mức tối đa để đọc hiểu, giải mã ngôn ngữ của bài đọc. Trên cơ sở đó phát hiện tư tưởng chính, phương pháp lập luận cũng như những nét đặc sắc của bài đọc. Nhiệm vụ của người học sau giờ lên lớp là hoàn thành bài tập mà giáo viên giao để củng cố và phát triển kiến thức. Quá trình lên lớp cần được thực hiện theo đường hướng sau:

Người dạy cần thiết lập một hệ thống câu hỏi mang tính chất gợi mở, hướng cho học sinh tự nghiên cứu, tìm ra đáp án trên các phương diện ngôn ngữ, hàm ý văn hóa, tư tưởng. Câu hỏi cần đa dạng cả về hình thức và nội dung. Cái gọi là đa dạng về nội dung là, câu hỏi không chỉ dừng lại ở các trọng điểm ngôn ngữ tĩnh như giải thích từ và cấu trúc, mà còn ở trạng thái động, tức là phong cách biểu đạt, năng lực lập luận, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, sức thuyết phục của phương thức biểu đạt đó. Quan trọng hơn là câu hỏi phải vượt lên các tri thức ngôn ngữ, đến với hàm ý văn hóa ẩn chứa trong ngôn bản, như nội dung đã trình bày ở mục (4.1.3). Thí dụ, những câu hỏi chi tiết như *Tại sao không được làm lỡ mùa vụ sản xuất nông nghiệp? Nếu sản xuất kịp mùa vụ thì có hiệu quả gì?* Hay những câu hỏi khái quát hơn như *Chính sách phát triển kinh tế mà Mạnh Tử chủ trương thể hiện trong bài là gì? Câu hỏi mang tính chất tổng kết nội dung bài giảng như *Em thấy diện mạo xã hội Trung Quốc cổ đại thể hiện trong bài “Quả nhân chi ư quốc dã như thế nào?”* Câu hỏi mang tính suy luận kết hợp liên hệ thực tiễn và đánh giá vấn đề như *Em có suy nghĩ gì về chính sách phát triển kinh tế, văn**

hóa giáo dục của Mạnh Tử? Trong xã hội hiện đại, chúng ta có thể vận dụng, tiếp thu được những gì là tinh hoa của tư tưởng Mạnh Tử? Những tư tưởng nào của Mạnh Tử đến nay đã lỗi thời?... Đối với những vấn đề lớn, có thể chuyển thành hình thức Seminar, thảo luận trao đổi trên lớp. Sau mỗi ý kiến của sinh viên nêu ra cần phải được các bạn khác nhận xét đánh giá và giáo viên là người nhận xét, đưa ra đáp án cuối cùng coi là chuẩn mực nhất để cả lớp tham khảo. Điều này đòi hỏi giáo viên phải có bề dày kinh nghiệm và vốn tri thức đủ sâu, rộng để có thể làm chủ được bài giảng và giải đáp được những thắc mắc của sinh viên. Trong không khí thảo luận, vấn đề sẽ được giải quyết một cách tích cực nhất, phát huy được khả năng tư duy phê phán của học sinh, tránh áp đặt và đạt được mục tiêu *giáo học tương trợ* (dạy và học tác động lẫn nhau, cùng phát triển).

Một giờ học được khai thác triệt để nội dung bài giảng trên tinh thần thầy là người tổ chức, hướng đạo, trò chủ động tích cực tham gia bài giảng như vậy chắc chắn sẽ sôi động, phát huy được nguồn lực trí tuệ và đạt hiệu quả cao.

5. Lời kết

Bài khóa trong các bộ giáo trình Hán ngữ cổ đại đều được chọn lọc chuẩn mực về hình thức ngôn ngữ và có nội dung văn hóa, tư tưởng sâu sắc. Phần lớn được trích từ các tác phẩm kinh điển, là tư liệu quý cho việc nghiên cứu, tìm hiểu về Trung Quốc cổ đại từ nhiều phương diện. Bài khóa còn là nơi cung cấp ngữ cảnh sống động nhất cho việc lí giải các hiện tượng ngôn ngữ trong quá trình hành chức của nó. Trong bối cảnh trước nay, việc giảng dạy Cổ đại Hán ngữ nói chung và bài khóa của môn

học này nói riêng mới dừng lại ở mức độ khai thác các yếu tố ngôn ngữ và coi nhẹ nhân tố văn hóa, thì trong xu thế đổi mới phương pháp giảng dạy hiện nay, chúng tôi cho rằng, việc khai thác đa chiều bài khóa nhằm gợi mở cho sinh viên nắm được không chỉ là kiến thức ngôn ngữ mà còn là kiến thức bách khoa về đất nước con người Trung Quốc, càng trở nên thiết thực, phục vụ đắc lực cho hướng nghiên cứu Trung Quốc học và giảng dạy của khoa Ngôn ngữ Văn hóa Trung Quốc, trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học Quốc gia Hà Nội hiện nay.

Việc khai thác các nhân tố văn hóa tư tưởng trong bài khóa cần phải bám sát ngôn bản và dựa trên nền tảng khai thác các yếu tố ngôn ngữ, giúp người học “một mũi tên trúng hai đích”, vừa nâng cao trình độ ngôn ngữ, vừa thông qua tư duy, phân tích, phát hiện chiều sâu nội dung ý nghĩa trong ngôn bản. Sau mỗi tác giả, tác phẩm cần có thảo luận tập thể để phát huy vai trò chủ động sáng tạo của sinh viên, đồng thời làm cho vấn đề được nhìn nhận vừa có chiều sâu, vừa có bề rộng. Tất cả làm nên một bức tranh tri thức chung về đất nước con người Trung Quốc. Từ cổ đại, liên hệ đến hiện tại, càng hiểu sâu về Trung Quốc xưa và nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] 张朋朋, 《论文字》, 2007
- [2] 国赫彤、崔建新, 《古代汉语教程》, 天津古籍出版社; 1999
- [3] Phạm Ngọc Hàm , Giảng dạy các tác phẩm kinh điển Trung Quốc trong trường Đại học ở Việt Nam, Hội thảo Quốc tế Besetoha, Bắc Kinh; 2012
- [4] 熊焰, 《现代汉语里的文言因素》, 湘潭大学学报; 2008
- [5] 熊焰, 《论现代汉语文言的文化地位与学术价值》, 湘潭大学学报; 2008

Multidimensional Exploitation of Ancient Chinese Lectures in the Orientation of Chinese Study (Based on “My Heart for my Country” of Mencius)

Phạm Ngọc Hàm

*Chinese Department, VNU University of Languages and International Studies,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam*

Abstract: In the context of ULIS - VNU planning to develop a new training program - Chinese Study and a new research program of China, the multidimensional exploitation of ancient Chinese lectures, in which there exists the combination between language and culture, is necessary in order to enhance the knowledge of country studies through discourse analysis for students.

The paper, which is based on the text “My heart for my country” of Mencius, discusses the importance and the method of the multidimensional exploitation to discourses, which helps to meet the demand of the training program - Chinese Study.

Keywords: My heart for my country, multidimensional, Chinese Study.